

Các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận ứng dụng phần mềm kế toán đám mây trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam: mô hình nghiên cứu đề xuất

□ TS. Đào Nhật Minh*

Th.S. Phạm Thị Lai*

Th.S. Trần Xuân Quân *

*Khoa Kinh tế và Kế toán, Trường Đại học Quy Nhơn

Tóm tắt

Nghiên cứu này được thực hiện, nhằm xây dựng nên mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận ứng dụng phần mềm kế toán (PMKT) đám mây trong các DN nhỏ và vừa (DNNVV) tại Việt Nam. Dựa vào lý thuyết TAM (Technology acceptance model) của Venkatesh và Davis, (1996), cùng với các nghiên cứu liên quan, nhóm tác giả đã xây dựng nên mô hình nghiên cứu gồm 05 nhân tố độc lập: (nhận thức về tính hữu ích, nhận thức về tính dễ sử dụng, ảnh hưởng xã hội, các điều kiện thúc đẩy và giá phí PMKT đám mây); 01 nhân tố trung gian (ý định sử dụng PMKT đám mây) có tác động đến việc chấp nhận ứng dụng PMKT đám mây, trong các DNNVV tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu này, sẽ là tiền đề, để các nghiên cứu sau thực hiện kiểm định với quy mô mẫu lớn, nhằm đưa ra được kết quả chính xác nhất về vấn đề này.

1. Giới thiệu

Sự phát triển của công nghệ thông tin (CNTT) đã thu hút số lượng người sử dụng Internet ngày càng tăng và điều đó đã tạo ra các động lực và cơ hội, cho việc sử dụng Internet, trong việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ trên toàn cầu. Tại Việt Nam, sự phát triển nhanh chóng của Internet đã khiến Việt Nam trở thành một thị trường tiềm năng, để khai thác và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ qua Internet, Giao và cộng sự, (2020). Điện toán đám mây (ĐTĐM) được coi là một tiến bộ vượt bậc của CNTT, Internet, vì nó cung cấp một môi trường mở để tích hợp trực tuyến và chia sẻ dữ liệu, giữa những người dùng ở khoảng cách xa.

Tại Việt Nam, công nghệ ĐTĐM vẫn chưa phổ biến so với phần còn lại của thế giới. Tiên phong trong công nghệ này là IBM Việt Nam, đã khai trương trung tâm ĐTĐM đầu tiên, vào tháng 09/2008. Có rất nhiều ứng dụng của công nghệ ĐTĐM như: quản lý văn phòng, nhân sự, quan hệ khách hàng, kế toán...

Theo số liệu được công bố tại Hội thảo “Toàn cảnh công nghệ thông tin Việt Nam” năm 2019 về lập kế hoạch sử dụng ĐTĐM trong tương lai tại các DN Việt Nam; 03% DN không có kế hoạch triển khai ĐTĐM; 25% đang nghiên cứu công nghệ nhưng chưa có kế hoạch sử dụng nó; 08% dự định sử dụng ĐTĐM trong 6 tháng tiếp theo; 39% đang sử dụng ĐTĐM; và 19% đang và sẽ tiếp tục sử dụng ĐTĐM, Le và Cao, (2020). Theo báo cáo của Đại học Quốc gia Singapore, năm 2017, Việt Nam là thị trường ĐTĐM phát triển nhanh nhất Đông Nam Á; năm 2018, Việt Nam đạt 41/100 điểm về mức độ phổ biến dịch vụ đám mây, đứng thứ 14 châu Á trong danh sách xếp hạng của Hiệp hội ĐTĐM châu Á, Le và Cao, (2020).

PMKT trên nền tảng đám mây (PMKT trực tuyến) là một loại PMKT cho phép các cá nhân cập nhật và xem thông tin mọi lúc, mọi nơi, với mọi thiết bị có kết nối Internet. Do đó, PMKT dựa trên đám mây khác với PMKT truyền thống, vì nó không yêu cầu cài đặt trên máy tính, nó kết nối với máy chủ và hoạt động thông qua mạng Internet. Phần mềm

này giúp kế toán, quản lý làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả và giảm áp lực đầu tư cơ sở vật chất, nhân lực do không cần đầu tư máy chủ và nhân sự liên kết. Người quản lý và kế toán có thể xem thông tin mọi lúc mọi nơi, bằng mọi thiết bị có thể kết nối Internet như điện thoại, máy tính bảng. Những ưu điểm đặc biệt đáng chú ý của PMKT trực tuyến so với PMKT truyền thống còn bao gồm cập nhật kịp thời các tiến bộ công nghệ trong kế toán, quy định pháp luật và dữ liệu được sao lưu liên tục, tránh việc mất dữ liệu. Hiện Việt Nam có hơn 100 DN cung cấp PMKT: CTCP Misa, CT Phần mềm FAST là hai DN Việt Nam giới thiệu và cung cấp PMKT trực tuyến đầu tiên vào năm 2013; theo sau là các công ty phần mềm khác như CTCP Tin học Lạc Việt; CTCP Phát triển Phần mềm ASIA, Le và Cao, (2020).

Mặc dù, Việt Nam đã và đang theo xu hướng chung của thế giới, nhưng nhìn chung, ứng dụng PMKT trực tuyến tại các DN Việt Nam vẫn đang ở giai đoạn sơ khai. Người dùng vẫn lo ngại về tính bảo mật, thông tin riêng tư trong môi trường kế toán đám mây, đồng thời họ vẫn đang xem xét tính hữu ích, dễ sử dụng của PMKT đám mây so với các PMKT truyền thống. Trong bối cảnh dịch Covid-19 rất khó kiểm soát như hiện nay, nhu cầu làm việc tại nhà thông qua PMKT đám mây để duy trì hoạt động của DN mà vẫn đảm bảo giãn cách là một điều cần được đẩy mạnh. Vì vậy, nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận ứng dụng PMKT đám mây trong các DN Việt Nam, nhất là các DNNVV để thúc đẩy việc ứng dụng PMKT đám mây tại các DN này là một sự cần thiết về mặt thực tiễn, vì các DNNVV chiếm đến 97,2 % số lượng các DN Việt Nam (theo sách trắng DN Việt Nam 2020), là động lực phát triển của nền kinh tế.

Các nghiên cứu về kế toán đám mây tại Việt Nam, còn rất hạn chế. Đây là lĩnh vực chưa thu hút được nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu trong nước. Các nghiên cứu về kế toán đám mây trong nước, chủ yếu là các bài viết lặp lại các nghiên cứu nước ngoài nhưng xem xét trong bối cảnh các DN Việt Nam và chúng cũng mới được thực hiện trong giai đoạn gần đây: Nguyễn Hữu Bình, (2019); Le và Cao, (2020)... Đã có một số nghiên cứu nước ngoài, xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận PMKT đám mây tại DN như: Bhatt, (2013); Ghosh, (2015); Soni và cộng sự, (2018); Simapivapan, (2018); Van den Bergh và Kloppers; (2019); Musa và cộng sự, (2019); Haleem, (2020); Eldalabeeh và cộng sự, (2021)... Tuy nhiên, điều kiện áp dụng công nghệ ĐTĐM ở các nước này khác Việt Nam, đồng thời các nghiên cứu khác nhau lại đưa ra mô hình nghiên cứu khác nhau, cho các loại hình DN và quy mô khác nhau. Do đó, đề xuất được một mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận ứng dụng PMKT đám mây trong điều kiện các DNNVV Việt Nam, là sự cần thiết về mặt lý luận.

Dựa vào vào lý thuyết TAM của Venkatesh và Davis, (1996), cùng với các nghiên cứu liên quan, nhóm tác giả sẽ xây dựng nên mô hình nghiên cứu các nhân tố tác động đến việc chấp nhận ứng dụng PMKT đám mây trong các DNNVV, tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu này, sẽ góp phần giải quyết khoảng trống trong nghiên cứu về PMKT đám mây cũng như thỏa mãn yêu cầu cần thiết từ thực tiễn. Các nghiên cứu trong tương lai, có thể dựa vào kết quả nghiên cứu để thực hiện kiểm định với mẫu lớn, nhằm đưa ra kết quả chính xác về vấn đề này. Các phần tiếp theo trình bày tổng quan các nghiên cứu liên quan, lý thuyết nền, phương pháp nghiên cứu, mô hình nghiên cứu đề xuất và cuối cùng là kết luận.

2. Tổng quan nghiên cứu

Các nghiên cứu trên thế giới về việc chấp nhận ứng dụng PMKT đám mây tại DN, đã tìm ra nhiều nhân tố giúp thúc đẩy hoặc cản trở việc chấp nhận này.

Bhatt, (2013), đã phân tích việc áp dụng ĐTĐM của các DNNVV Ấn Độ, bằng cách sử dụng học thuyết chi phí giao dịch. Do việc sử dụng CNTT của các DNNVV Ấn Độ chưa phổ biến, tác giả đã so sánh các nhân tố thúc đẩy và nhân tố cản trở việc áp dụng CNTT của các DNNVV, với chi phí giao dịch liên quan đến ĐTĐM của các DNNVV, để xác định các nhân tố tổ chức cần thiết đảm bảo sự thành công cho việc áp dụng công nghệ đám mây của các DNNVV. Kết quả nghiên cứu chỉ ra, khả năng thích ứng tốt và mô hình định giá của ĐTĐM, được cho là lý do thúc đẩy các DNNVV áp dụng công nghệ ĐTĐM. Esther và cộng sự, (2014), đã chọn một mẫu ngẫu nhiên gồm 72 kế toán ở Ghana để nghiên cứu. Mẫu nghiên cứu gồm 03 đối tượng: kế toán làm việc trong tổ chức sử dụng ĐTĐM, kế toán làm việc trong tổ chức không sử dụng ĐTĐM và các sinh viên kế toán. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra, bảo mật dữ liệu có thể là một nhược điểm lớn trong việc sử dụng ĐTĐM, đặc biệt là đối với những thông tin tài chính nhạy cảm tại DN, tuy nhiên ĐTĐM vẫn có thể được áp dụng thành công cho mục đích kế toán.

Coles và cộng sự, (2015), đã khảo sát 212 người ở 17 quốc gia, đại diện cho các công ty bảo mật CNTT, công ty CNTT, công ty kiểm toán cũng như công ty từ các ngành công nghiệp khác. Dữ liệu từ quá trình nghiên cứu được so sánh giữa các khu vực châu Mỹ, châu Á - Thái Bình Dương (America, Asia Pacific - APAC) và châu Âu - Trung Đông - châu Phi (Europe, Middle East, Africa - EMEA).

Kết quả của nghiên cứu cho thấy, 12% công ty ở Mỹ không coi đám mây là ưu tiên so với 09% ở EMEA và 07% ở khu vực APAC. Người ta thấy rằng, bảo mật vẫn là rào cản lớn nhất đối với việc áp dụng đám mây và các rào cản quan trọng khác là sự thiếu kiến thức và kinh nghiệm của các nhà quản lý CNTT và DN.

Ghosh, (2015), đã khám phá khả năng phát triển của các hoạt động kế toán, dựa trên đám mây ở Ấn Độ. Tác giả gợi ý rằng, các tổ chức có thể thiết kế phần mềm kế toán của riêng họ với sự trợ giúp của cơ sở hạ tầng đám mây và cũng có thể thiết kế các ứng dụng dựa trên thiết bị di động được kết nối với đám mây. Điều này giúp các công ty không phải đầu tư phần cứng hoặc phần mềm cũng như các chi phí liên quan đến việc nâng cấp và bảo trì phần mềm.

Soni và cộng sự, (2018), đã thực hiện một nghiên cứu để chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận và không chấp nhận PMKT đám mây ở 04 lĩnh vực: ngân hàng, bảo hiểm, bán lẻ và các DNNVV tại thành phố Udaipur, Ấn Độ.

Bên cạnh đó, các tác giả cũng tìm hiểu mối quan hệ giữa quy mô của tổ chức với việc áp dụng PMKT đám mây. Kết quả kiểm tra chi-square của nghiên cứu cho thấy, hầu hết các tổ chức có 250 nhân viên trở lên đang sử dụng PMKT đám mây. Liên quan đến việc không chấp nhận PMKT đám mây thì có khoảng 41% người được hỏi, thậm chí không quen với sự tồn tại của PMKT đám mây trên thị trường, bảo mật dữ liệu là lý do chính khiến người trả lời không ủng hộ việc sử dụng PMKT đám mây. Các nhân tố được tìm ra ảnh hưởng đến việc chấp nhận PMKT tại đơn vị gồm: độ bền, dễ dàng sử dụng và bảo mật, tiết kiệm chi phí. Kết quả phân tích ANOVA cũng cho thấy, không có sự khác biệt đáng kể trong ý kiến của những người được hỏi làm việc trong các lĩnh vực khác nhau về các nhân tố tác động đến việc áp dụng PMKT đám mây tại DN.

Simapivapan, (2018), đã thực hiện tổng quan tài liệu và phỏng vấn sâu với 9 Chủ sở hữu DNNVV Thái Lan. Với người được phỏng vấn bao gồm nhóm người dùng hiện tại và nhóm người dùng chưa sử dụng PMKT đám mây, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra tiêu chí lựa chọn PMKT của nhóm người dùng chưa sử dụng PMKT đám mây là giao diện thân thiện với người dùng và khả năng tương thích với loại hình kinh doanh của riêng họ. Hơn

nữa, khả năng sao lưu trực tuyến và khôi phục dữ liệu là một yếu tố quan trọng, để khuyến khích họ sử dụng PMKT đám mây. Tuy nhiên, chi phí chuyển đổi cao và uy tín của DN cung cấp phần mềm là những yếu tố ngăn cản người dùng sử dụng PMKT đám mây. Mặc dù, PMKT đám mây có các chức năng/tính năng mới cho nhóm người dùng chưa sử dụng PMKT đám mây để làm quen, nhưng những yếu tố này không khuyến khích họ sử dụng PMKT đám mây.

Van den Bergh và Kloppers, (2019), xem xét việc áp dụng và sử dụng công nghệ đám mây của các công ty dịch vụ kế toán ở Nam Phi cho các sản phẩm mà họ cung cấp tới khách hàng. 27 chủ sở hữu hoặc quản lý của các công ty dịch vụ kế toán ở Cape Town được khảo sát thông qua bảng hỏi trực tuyến, sau đó dữ liệu khảo sát được phân tích thông qua kỹ thuật thống kê mô tả, Pearson's chi-square và Mann-Whitney U test. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, các nhà quản lý và chủ sở hữu công ty dịch vụ kế toán có nhận thức đáng kể về công nghệ kế toán đám mây. Các công ty nhỏ dường như tích cực hơn đối với công nghệ này và cũng có khả năng triển khai nó hơn các công ty vừa và lớn. Các công ty vừa và lớn có thể được xếp vào nhóm chiếm đa số trong việc tụt hậu trên đường cong áp dụng công nghệ đám mây. Trong khi, các công ty nhỏ có thể được phân loại là những người đổi mới, chiếm đa số trong việc áp dụng sớm công nghệ đám mây trong kế toán.

Musa và cộng sự, (2019), dựa vào sự tổng quan tài liệu và Lý thuyết thống nhất về chấp nhận và sử dụng công nghệ (Unified Theory of Acceptance and Use of Technology - UTAUT) đã đề xuất một mô hình tác động đến ý định sử dụng kế toán đám mây của các DNNVV ở Malaysia gồm các nhân tố: kỳ vọng về hiệu quả; kỳ vọng về nỗ lực; ảnh hưởng xã hội; những điều kiện thúc đẩy; nhận thức về bảo mật với hai biến điều tiết là quy mô DN và số năm của dịch vụ.

Tương tự, Haleem, (2020), cũng sử dụng lý thuyết UTAUT, thông qua khảo sát 354 chủ sở hữu - quản lý điều hành các DNNVV ở Sri Lanka, sử dụng kỹ thuật SEM để phân tích dữ liệu đã cho thấy rằng, kỳ vọng về hiệu quả, kỳ vọng về nỗ lực và Ảnh hưởng xã hội có tác động đến ý định hành vi sử dụng kế toán đám mây. Những điều kiện thúc đẩy ảnh hưởng trực tiếp đến Hành vi sử dụng của kế toán đám mây trong khi Ý định về hành vi sử dụng kế toán đám mây là nhân tố trung gian trong sự tác động của Kỳ vọng về hiệu quả, Kỳ vọng về nỗ lực, và Ảnh hưởng xã hội tới Hành vi sử dụng của kế toán đám mây. Hai biến điều tiết Kinh nghiệm và Quy mô tổ chức có ảnh hưởng đáng kể đến các mối quan hệ trên.

Yusuf và Pontoh, (2020), với mẫu nghiên cứu gồm 86 DNNVV, thông qua kiểm định hồi quy bằng phần mềm SPSS, các tác giả đã cho thấy tính dễ sử dụng, sự tin tưởng và khả năng sử dụng máy tính ảnh hưởng đến việc lựa chọn phần mềm kế toán đám mây tại các DNNVV ở Makassar (Indonesia).

Eldalabeeh và cộng sự, (2021), tiến hành khám phá các nhân tố, ảnh hưởng đến sự chấp nhận kế toán đám mây trong các lĩnh vực tài chính. Với lý thuyết nền là mô hình chấp nhận công nghệ (Technology Acceptance Model - TAM); lý thuyết công nghệ - tổ chức - môi trường (Technology - Organization - Environment - TOE) và mô hình của De Lone & Mc Lean, cùng với việc tổng quan tài liệu, nghiên cứu này đã đề xuất một mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến sự chấp nhận kế toán đám mây. Mô hình đề xuất được đánh giá thực nghiệm, bằng cách sử dụng dữ liệu khảo sát từ 187 nhà quản lý (giám đốc tài chính, giám đốc bộ phận CNTT, giám đốc bộ phận kiểm toán, kế toán trưởng và trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ) tại các ngân hàng Jordan. Sau khi kiểm định SEM, kết quả nghiên cứu

chỉ ra: sự hỗ trợ của lãnh đạo cấp cao, năng lực của tổ chức, chất lượng dịch vụ, chất lượng hệ thống, nhận thức về tính hữu ích và nhận thức về tính dễ sử dụng có mối quan hệ tích cực, với ý định sử dụng kế toán đám mây (sự chấp nhận kế toán đám mây). Đồng thời, sự chấp nhận kế toán đám mây ảnh hưởng tích cực đến việc sử dụng kế toán đám mây.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về kế toán đám mây mới được thực hiện trong những năm gần đây.

Lê Thị Quỳnh Liên và cộng sự, (2020), đã so sánh các giải pháp ERP đám mây phổ biến nhất hiện nay từ nhà cung cấp SAP, Oracle, Microsoft và Infor. Qua đó, nêu bật kiến trúc của mỗi hệ thống, điểm mạnh và điểm yếu của chúng, trên cơ sở đó nhóm tác giả đã đưa ra những khuyến nghị cho DN, trong việc lựa chọn triển khai một hệ thống ERP đám mây phù hợp.

Le và Cao, (2020), với mục đích nghiên cứu ý định sử dụng phần mềm kế toán đám mây tại các DN Việt Nam, đã dựa trên lý thuyết nền là mô hình chấp nhận công nghệ (TAM), với dữ liệu được thu thập thông qua bảng câu hỏi có cấu trúc từ 112 kế toán và quản lý trong các DN Việt Nam. Dữ liệu sau khi thu thập được tổng hợp bằng file excel, xử lý bằng phần mềm SPSS 20 với kỹ thuật thống kê mô tả và phân tích hồi quy bội. Mô hình nghiên cứu được thiết lập với 4 nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng phần mềm kế toán dựa trên nền tảng đám mây đó là: (1) nhận thức về tính hữu ích; (2) nhận thức về tính dễ sử dụng; (3) nhận thức về tính thuận tiện; (4) nhận thức về tính an toàn và quyền riêng tư. Kết quả chỉ ra rằng, nhận thức về tính hữu ích và nhận thức về tính dễ sử dụng có tác động tích cực đến ý định sử dụng PMKT, dựa trên đám mây của các DN. Ngoài ra, nghiên cứu đã tìm thấy, mối quan hệ tích cực giữa nhận thức về tính thuận tiện và nhận thức về tính dễ sử dụng với nhận thức về tính hữu ích; nhận thức về tính thuận tiện cũng có tác động tích cực đến Nhận thức về tính dễ sử dụng. Tuy nhiên, nhận thức về tính an toàn và quyền riêng tư không ảnh hưởng đáng kể đến ý định sử dụng PMKT, trên nền tảng đám mây tại DN.

Như vậy, thông qua tổng quan tài liệu trong nước và ngoài nước, có thể thấy các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận ứng dụng PMKT đám mây, tại các DN được các nghiên cứu trước chỉ ra bao gồm:

- Chi phí sử dụng PMKT đám mây: Bhatt, (2013); Ghosh, (2015); Soni và cộng sự, (2018); Simapivapan, (2018).

- Bảo mật: Esther và cộng sự, (2014); Coles và cộng sự, (2015); Soni và cộng sự (2018); Musa và cộng sự, (2019).

- Kiến thức và kinh nghiệm sử dụng PMKT đám mây: Coles và cộng sự, (2015); Musa và cộng sự, (2019); Haleem, (2020); Yusuf và Pontoh, (2020); Edalabeeh và cộng sự, (2021).

- Nhận thức về tính dễ sử dụng: Soni và cộng sự, (2018); Simapivapan, (2018); Yusuf và Pontoh, (2020); Edalabeeh và cộng sự, (2021); Le và Cao, (2020).

- Nhận thức về tính hữu ích: Bhatt, (2013); Ghosh, (2015); Soni và cộng sự, (2018); Simapivapan, (2018); Musa và cộng sự, (2019); Haleem, (2020); Edalabeeh và cộng sự, (2021); Le và Cao, (2020).

- Uy tín của nhà cung cấp PMKT đám mây: Simapivapan, (2018); Yusuf và Pontoh, (2020); Edalabeeh và cộng sự, (2021).

- Một số nhân tố khác (như quy mô DN, Kỳ vọng về nỗ lực, Ảnh hưởng xã hội, Những điều kiện thúc đẩy, sự hỗ trợ của lãnh đạo cấp cao...): Soni và cộng sự, (2018); Van den

Bergh và Kloppers, (2019); Musa và cộng sự, (2019); Haleem, (2020); Edalabeeh và cộng sự, (2021).

3. Mô hình sự chấp nhận công nghệ (Technology acceptance model - TAM) của Venkatesh và Davis, (1996)

Mô hình sự chấp nhận công nghệ TAM là sự điều chỉnh của Lý thuyết hành động hợp lý (Theory of Reasoned Action - TRA) áp dụng vào lĩnh vực hệ thống thông tin. TAM cho rằng, nhận thức về tính hữu ích và nhận thức về tính dễ sử dụng sẽ quyết định ý định sử dụng hệ thống của một cá nhân, từ đó tác động đến việc sử dụng hệ thống thực tế. Trong mô hình TAM, ý định sử dụng đóng vai trò là nhân tố trung gian, nhận thức về tính hữu ích và nhận thức về tính dễ sử dụng là nhân tố độc lập, việc sử dụng hệ thống thực tế là nhân tố phụ thuộc. Đồng thời, nhận thức về tính hữu ích cũng bị ảnh hưởng trực tiếp bởi nhận thức về tính dễ sử dụng. Các nhà nghiên cứu đã đơn giản hóa TAM, bằng cách loại bỏ cấu trúc thái độ trong TRA khỏi mô hình, Venkatesh và cộng sự, (2003).

Hiện nay có rất nhiều phiên bản của mô hình TAM. Trong nghiên cứu này, chúng tôi vận dụng phiên bản mô hình TAM 1 của Venkatesh và Davis, (1996). Các phiên bản sau của mô hình TAM chủ yếu được phát triển theo 03 hướng: thêm vào một số nhân tố từ các lý thuyết liên quan thêm vào hay thay thế một số nhân tố về niềm tin; đánh giá nhân tố nhận thức về tính hữu ích và nhận thức về tính dễ sử dụng ở các vai trò khác nhau. Do đó, các phiên bản sau của mô hình TAM thường rất phức tạp, vì đề cập đến nhiều nhân tố liên quan đến đơn vị nghiên cứu là cá nhân. Trong khi đó, đơn vị nghiên cứu trong bài báo này là tổ chức và mô hình TAM được sử dụng, để đo lường sự chấp nhận công nghệ của lãnh đạo trong tổ chức đó. Do đó, với hướng nghiên cứu của bài báo thì việc áp dụng mô hình TAM 1 là phù hợp.

Vận dụng lý thuyết vào nghiên cứu, PMKT đám mây là một công nghệ mới, cho nên khi áp dụng vào các DN thì nhà quản lý các DN đó cần phải nhận thấy tính hữu ích của nó. Thêm nữa, nhân lực của các DNNVV thường có trình độ ở mức trung bình nên tính dễ sử dụng của PMKT cũng rất quan trọng, trong việc hình thành ý định sử dụng ở nhà quản lý các DNNVV, từ đó sẽ dẫn tới việc chấp nhận sử dụng PMKT đám mây trong thực tế.

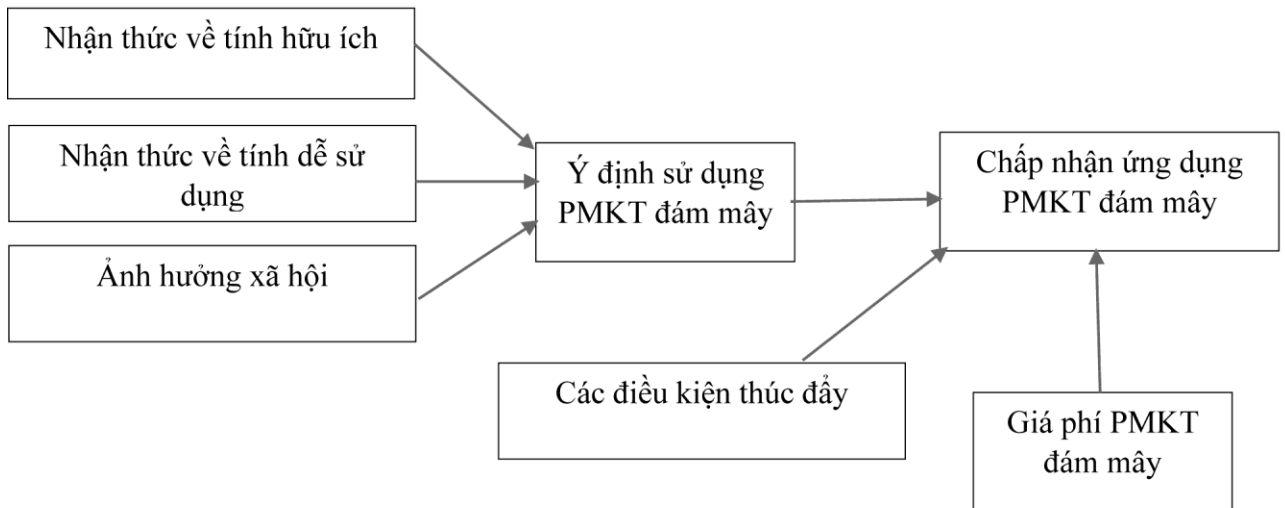
4. Phương pháp nghiên cứu

Trong khuôn khổ bài báo này, phương pháp nghiên cứu mà nhóm tác giả sử dụng là phương pháp GT (Grounded theory). Đây là phương pháp phổ biến trong nghiên cứu định tính, để xây dựng lý thuyết khoa học. Phương pháp này dựa trên dữ liệu thông qua việc thu thập, so sánh dữ liệu với nhau để nhận dạng, xây dựng và kết nối các khái niệm với nhau, để tạo thành lý thuyết khoa học, Nguyễn Đình Thọ, (2014).

5. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Dựa trên các nghiên cứu liên quan và mô hình TAM, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như sau: nhận thức về tính hữu ích, nhận thức về tính dễ sử dụng về PMKT đám mây và ảnh hưởng xã hội (sự thúc đẩy từ các chính sách của chính phủ, xu thế sử dụng PMKT đám mây tại các DNNVV khác...) sẽ tác động đến ý định sử dụng PMKT đám mây, từ đó ảnh hưởng đến việc chấp nhận ứng dụng PMKT đám mây tại DN. Ngoài ra, nhân tố phụ thuộc này còn chịu sự tác động của giá phí PMKT đám mây và các điều kiện thúc đẩy khác (như dịch Covid-19 xảy ra yêu cầu phải làm việc online, DN áp dụng ĐTĐM trong lưu trữ nên cần phải sử dụng PMKT đám mây để đồng bộ...), Hình 1.

Hình 1



(Nguồn: Nhóm tác giả)

6. Kết luận

Nhóm tác giả đã thực hiện tổng quan các nghiên cứu liên quan trong nước và trên thế giới, kết hợp với mô hình TAM, để đề xuất mô hình nghiên cứu gồm 05 nhân tố phụ thuộc, 01 nhân tố trung gian ảnh hưởng tới việc chấp nhận ứng dụng PMKT đám mây, tại các DNNVV Việt Nam. Dựa vào kết quả nghiên cứu, các nghiên cứu trong tương lai có thể thực hiện khảo sát với mẫu lớn để đưa ra kết luận cuối cùng về vấn đề này, giúp các DNNVV Việt Nam nhận diện được đâu là vấn đề cần quan tâm, khi dự định ứng dụng PMKT đám mây tại đơn vị. Qua đó, thực hiện thành công việc ứng dụng PMKT đám mây, nâng cao hiệu quả hoạt động và kinh doanh tại DN. □

Tài liệu tham khảo

1. Bhat, J.M., (2013), *Adoption of cloud computing by SMEs in India: a study of the institutional factors*.
2. Coles, C., Yeoh, J., Guanco, F. and Mishra, E., (2015), *Cloud adoption practices & priorities survey report*. Cloud Security Alliance, 9.
3. Eldalabeeh, a.r., □ Obeid al-shbail, m., almuiet, m.z., baker, m.b. and e'leimat, d□., (2021), *Cloud-Based Accounting Adoption in Jordanian Financial Sector*. *The Journal of Asian Finance, Economics, and Business*, 8(2), pp. 833-849.
4. Esther E, Omane K B, Timothy A and Michael E K, (2014), *Accounting in the Cloud: How Cloud Computing Can Transform Businesses (The Ghanaian Perspective)*. *Proceedings of the Second International Conference on Global Business, Economics, Finance and Social Sciences, GB14 Chennai*.
5. Ghosh A, (2015), *Adoption of Cloud Based E-Accounting in India*. *AGU International Journal of Management Studies and Research*, Vol. 1, July-December.
6. Haleem, A., (2020), *Owner manager's acceptance of cloud accounting: an evaluation based on utaut model*.
7. Lê Thị Quỳnh Liên, Hồ Quốc Dũng, Võ Thị Phương Hà, (2020), "So sánh các giải pháp hoạch định nguồn lực DN trên nền tảng ĐTĐM và khuyến nghị cho các DN", *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển*, tập 129, Số 5C, 2020, trang 19 – 41.

8. Le, O. and Cao, Q., (2020), *Examining the technology acceptance model using cloud-based accounting software of Vietnamese enterprises. Management Science Letters*, 10(12), pp.2781-2788.
9. Musa, Z.K.C., Muhayiddin, M.N., Yusoff, M.N.H., Ismail, M. and Muhamad, M., (2019), *Intention to Use Cloud Accounting System Among SMEs in Malaysia: A Conceptual Framework of a Modified Unified Theory of Acceptance and Use of Technology (UTAUT) Model. Research in World Economy*, 10(2), pp.74-78.
10. Nguyễn Đình Thọ, (2014), “*Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*”, Ấn bản lần 2. Hồ Chí Minh, NXB Tài chính.
11. Nguyễn Hữu Bình, (2019), “*Mô hình kế toán đám mây: những lợi ích và thách thức, Kỹ yếu Hội thảo Khoa học – CNTT và hệ thống thông tin kế toán*”, trang 52 – 69, Hồ Chí Minh, 2019, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
12. Nguyễn Quỳnh Hoa, (2020), “*Ảnh hưởng của ĐTĐM đến việc công bố thông tin kế toán của các DN trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*”, *Tạp chí Công thương*.
13. Simapivapan, M. T, (2018), *Factor Influencing the Adoption Process of Cloud Accounting Software for Thai SME Business. Doctoral Dissertation, Thammasat University.*
14. Soni, R., Saluja, R. and Vardia, S., (2018), *Awareness and adoption of cloud accounting software: An empirical research. IUP Journal of Accounting Research & Audit Practices*, 17(2), pp. 36-50.
15. Van den Bergh, K. and Kloppers, S.R., (2019), *The absorption and usage of cloud accounting technology by accounting firms in Cape Town for services provided to their clients. African Journal of Science, Technology, Innovation and Development*, 11(2), pp.161-180.
16. Yusuf, A.U. and Pontoh, g.t., (2020), *factors affecting interest in using cloud accounting applications in small and medium enterprises (smes) □. International Journal of Information, Business and Management*, 12(3), pp.161-173.